

Số: **06**/CV-TV

V/v giải quyết kiến nghị các hộ dân thôn
12, xã Kon Braih (lần 2)

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 02 năm 2026

Kính gửi: - Sở Công thương tỉnh Quảng Ngãi
 - UBND xã Kon Braih

Công ty TNHH Trung Việt nhận được Văn bản số 526/SCT-QLNL ngày 02/02/2026 của Sở Công thương tỉnh Quảng Ngãi V/v đề nghị giải quyết kiến nghị của cử tri liên quan đến dự án thủy điện Đắk Bla 1 (lần 2).

Công ty TNHH Trung Việt xin phúc đáp nội dung, như sau:

1. Trong thời gian vừa qua, Công ty TNHH Trung Việt đã phối hợp với UBND xã Kon Braih, BQL thôn 12 và 14 hộ gia đình tổ chức thu thập thông tin để giải quyết kiến nghị. Qua kiểm tra thực tế và kết quả đo đạt, Công ty TNHH Trung Việt đề xuất mức hỗ trợ tại văn bản số 34/CV-TV ngày 28/11/2025, tuy nhiên chưa được UBND xã Kon Braih và các hộ dân chấp thuận.

Tại Văn bản số 1291/UBND-KT ngày 08/12/2025 Ủy ban nhân dân xã Kon Braih có khai toán, đề xuất mức hỗ trợ (*áp dụng đơn giá bồi thường đất chuyên trồng lúa theo Quyết định số 75/2024/QĐ-UBND ngày 03/12/2024 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Điều chỉnh Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Kon Tum*). Theo Công ty TNHH Trung Việt không thể áp dụng mức hỗ trợ tương đương với trường hợp đất đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng (*vì các thửa đất kiến nghị của Hộ dân không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa phù hợp với thực tế hình thành thửa đất*).

2. Qua kiểm tra thực tế các thửa đất của hộ dân kiến nghị, Công ty TNHH Trung Việt nhận thấy

- Giai đoạn từ năm 2018 trở về trước: là suối Đắk Năng, cây bụi, còn cát, không có ruộng lúa (*hình ảnh chụp từ google earth*), nên giai đoạn tích nước vận hành thủy điện Đắk Bla 1 vào năm 2018 không có bất kỳ ảnh hưởng nào đối với các thửa đất hiện đang kiến nghị.

- Giai đoạn từ năm 2019 - 2025: các hộ dân đã tự ý sử dụng các bãi bồi của suối để đắp bờ chia ô để làm ruộng lúa, lấn chiếm đất suối, làm thay đổi dòng chảy của suối, diện tích dòng chảy của suối bị thu hẹp rất nhiều so với các năm trước, đến năm 2025 một số hộ dân bồi đắp không tận dụng được để trồng lúa thì mới phát sinh kiến nghị (*hình ảnh chụp từ google earth*).

- Theo bản đồ địa chính chính quy huyện Kon Rẫy năm 2014 thể hiện là đất sông suối và đất trồng cây hàng năm (*không phải là đất trồng lúa nước như hiện nay, hiện trạng đã bị thay đổi so với trước*).

Đính kèm: Phụ lục 2 - Bảng tọa độ các thửa đất kiến nghị

3. Dự án thủy điện Đăk Bla 1 đã thực hiện việc bồi thường giải phóng mặt bằng và đưa vào vận hành từ năm 2018 đảm bảo theo đúng quy định.

- Trong quá trình thực hiện giải phóng mặt bằng dự án, Công ty TNHH Trung Việt đã ký kết hợp đồng với Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và TĐC huyện Kon Rẫy tại Hợp đồng số 05/HĐ-GPMT ngày 09/03/2015 V/v lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB. Hợp đồng được thanh lý sau khi dự án đã đưa vào vận hành ổn định.

- Nền giai đoạn năm 2017-2018 Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và TĐC huyện Kon Rẫy vẫn đang phụ trách công tác giải phóng mặt bằng của dự án, theo ghi nhận thì tại thời điểm này không có bất kỳ ý kiến kiến nghị nào liên quan đến việc tích nước hồ chứa thủy điện Đăk Bla 1 ảnh hưởng đến đất trồng lúa của người dân mà chưa được bồi thường.

4. Đề xuất của Công ty

Thời gian qua Công ty đã thể hiện thiện chí khi xem xét hỗ trợ trên tinh thần nhân văn, chia sẻ khó khăn với người dân, đã đề xuất áp giá bồi thường Cây lúa 2 vụ (theo đơn giá bồi thường áp dụng cho năm 2025 được UBND tỉnh Kon Tum ban hành tại Quyết định số 87/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024). Tuy nhiên một số hộ dân đã chấp thuận và một số hộ dân chưa chấp thuận (Đính kèm: Phụ lục 1)

- Các hộ dân chấp thuận đơn giá bồi thường cây lúa và tiếp tục canh tác trên thửa đất: Công ty TNHH Trung Việt sẽ thực hiện chi trả đầy đủ trong tháng 02/2026.

- Các hộ dân không chấp thuận bồi thường cây lúa, yêu cầu bồi thường đất: Do mức bồi thường này chưa phù hợp với quy định pháp luật về đất đai, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, cũng như chưa phản ánh đúng cơ sở pháp lý về quyền sử dụng đất của các hộ dân (vì các thửa đất kiến nghị của Hộ dân không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không phản ánh đúng thực tế). Công ty TNHH Trung Việt kính mong UBND xã Kon Braih xem xét, hướng dẫn các hộ dân để giải quyết phù hợp, đúng quy định và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan.

Trong thời gian tới Công ty TNHH Trung Việt sẽ tiếp tục phối với chính quyền địa phương và các hộ dân thống nhất phương án bồi thường. Công ty TNHH Trung Việt kính báo cáo Sở Công thương và UBND xã Kon Braih xem xét.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HCNS, VHSX.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Dinh Xuân Hoàng

Giá trị hỗ trợ theo đề xuất của Công ty TNHH Trung Việt

STT	Tên chủ hộ và nội dung hỗ trợ	Giấy chứng nhận QSD đất	ĐVT	Khối lượng kiểm đếm thực tế	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (Đồng)	Ý kiến các Hộ dân	Hiện trạng
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8) = (6*7)	(9)	(10)
1	A BIẢO					10.831.500		
Thửa 1	Cây lúa nước 2 vụ LUC	không có	m2	1.195	4.500	5.377.500	- Không đồng ý với giá bồi thường cây lúa nước. - Yêu cầu giá bồi thường điện tích đất	- Giai đoạn 2015-2023: Đất hoang, cỏ dại, giáp suối - Giai đoạn: 2023-Nay: Suối Đăk Năng bồi lấp, Hộ dân đang tận dụng đắp bờ làm ruộng. - Thửa đất nằm trong đất lòng hồ thủy điện đã được cấp chứng nhận quyền dụng đất của Dự án thủy điện - Hiện nay hộ dân vẫn đang trồng lúa trên thửa đất.
Thửa 2	Cây lúa nước 2 vụ LUC	không có	m2	1.212	4.500	5.454.000	- Không đồng ý với giá bồi thường cây lúa nước. - Yêu cầu giá bồi thường điện tích đất	- Giai đoạn 2015-2023: Suối Đăk Năng chảy qua giữa thửa đất. - Giai đoạn 2023-Nay: Suối Đăk Năng bồi lấp, thay đổi dòng chảy. Hộ dân đang tận dụng đắp bờ làm ruộng. - Thửa đất nằm trong đất lòng hồ thủy điện đã được cấp chứng nhận quyền dụng đất của Dự án thủy điện - Hiện nay hộ dân vẫn đang trồng lúa trên thửa đất.
2	A BLANG					6.921.000		
01 thửa	Cây lúa nước 2 vụ LUC	không có	m2	1.538	4.500	6.921.000	- Không đồng ý với giá bồi thường cây lúa nước. - Yêu cầu giá bồi thường điện tích đất	- Giai đoạn 2015-2023: Đất hoang, cỏ dại, giáp suối - Giai đoạn: 2023-Nay: Hộ dân đang tận dụng đắp bờ làm ruộng, lấn chiếm thu hẹp dòng chảy suối Đăk Năng. - Một phần thửa đất nằm trong đất lòng hồ thủy điện.
3	A CHIR					4.788.000		

Thửa 1	Cây lúa nước 2 vụ LUC	không có	m2	276	4.500	1.242.000	Đồng ý nhận tiền bồi thường cây lúa và tiếp tục canh tác trên thửa đất	- Giai đoạn 2015-2018: Đất hoang, cỏ dại, giáp suối - Giai đoạn: 2019-Nay: Hộ dân tận dụng đắp bờ làm ruộng, lần chiến thu hẹp dòng chảy suối Đắk Năng. - Hiện nay hộ dân vẫn đang trồng lúa trên thửa đất.
Thửa 2	Cây lúa nước 2 vụ LUC	không có	m2	788	4.500	3.546.000	Đồng ý nhận tiền bồi thường cây lúa và tiếp tục canh tác trên thửa đất	- Giai đoạn 2015-2018: Đất hoang, cỏ dại, giáp suối - Giai đoạn: 2019-Nay: Hộ dân tận dụng đắp bờ làm ruộng, lần chiến thu hẹp dòng chảy suối Đắk Năng. - Hiện nay hộ dân vẫn đang trồng lúa trên thửa đất.
4	A CHUNG					3.186.000		
Thửa 1	Cây lúa nước 2 vụ LUC	không có	m2	533	4.500	2.398.500	- Không đồng ý với giá bồi thường cây lúa nước. - Yêu cầu giá bồi thường diện tích đất	- Giai đoạn 2015-2020: Đất hoang, cỏ dại, giáp suối - Giai đoạn: 2021-Nay: Hộ dân tận dụng đắp bờ làm ruộng, lần chiến thu hẹp dòng chảy suối Đắk Năng. - Hiện nay hộ dân vẫn đang trồng lúa trên thửa đất.
Thửa 2	Cây lúa nước 2 vụ LUC	không có	m2	175	4.500	787.500	- Không đồng ý với giá bồi thường cây lúa nước. - Yêu cầu giá bồi thường diện tích đất	- Giai đoạn 2015-2020: Đất hoang, cỏ dại, giáp suối - Giai đoạn: 2021-Nay: Hộ dân tận dụng đắp bờ làm ruộng, lần chiến thu hẹp dòng chảy suối Đắk Năng. - Hiện nay hộ dân vẫn đang trồng lúa trên thửa đất.
5	A HIẾK					4.374.000		
01 thửa	Cây lúa nước 2 vụ LUC	không có	m2	972	4.500	4.374.000	- Không đồng ý với giá bồi thường cây lúa nước. - Yêu cầu giá bồi thường diện tích đất	- Giai đoạn 2015-2020: Đất hoang, cỏ dại, giáp suối - Giai đoạn: 2021-Nay: Hộ dân tận dụng đắp bờ làm ruộng, lần chiến thu hẹp dòng chảy suối Đắk Năng.
6	A KAR					4.495.500		
Thửa 1	Cây lúa nước 2 vụ LUC	không có	m2	595	4.500	2.677.500	- Không đồng ý với giá bồi thường cây lúa nước. - Yêu cầu giá bồi thường diện tích đất	- Giai đoạn 2015-2023: Suối ĐắkNăng chảy qua giữa thửa đất. - Giai đoạn: 2023-Nay: Suối ĐắkNăng bồi lắng, thay đổi dòng chảy. Hộ dân đang tận dụng đắp bờ làm ruộng, lần chiến thu hẹp dòng chảy suối Đắk Năng. - Thửa đất nằm trong đất hồ thủy điện đã được cấp chứng nhận quyền dụng đất của Dự án thủy điện

Thửa 2	Cây lúa nước 2 vụ LUC	không có	m2	404	4.500	1.818.000	- Không đồng ý với giá bồi thường cây lúa nước. - Yêu cầu giá bồi thường diện tích đất	- Giai đoạn 2015-2020: Đất hoang, cỏ dại, giáp suối - Giai đoạn: 2021-Nay: Hộ dân tận dụng đắp bờ làm ruộng, lấn chiếm thu hẹp dòng chảy suối ĐắkNăng. - Hiện nay hộ dân vẫn đang trồng lúa trên thửa đất.
7	A KAT - MARINA					7.911.000		
Thửa 1	Cây lúa nước 2 vụ LUC	không có	m2	980	4.500	4.410.000	- Không đồng ý với giá bồi thường cây lúa nước. - Yêu cầu giá bồi thường diện tích đất	- Giai đoạn 2015-2023: Suối Đắk Năng chảy qua giữa thửa đất. - Giai đoạn: 2023-Nay: Suối Đắk Năng bồi lắng, thay đổi dòng chảy. Hộ dân đang tận dụng đắp bờ làm ruộng, thu hẹp dòng chảy suối Đắk Năng. - Thửa đất nằm trong đất lòng hồ thủy điện đã được cấp chứng nhận quyền dùng đất của Dự án thủy điện
Thửa 2	Cây lúa nước 2 vụ LUC	không có	m2	778	4.500	3.501.000	- Không đồng ý với giá bồi thường cây lúa nước. - Yêu cầu giá bồi thường diện tích đất	- Giai đoạn 2015-2025: Đất hoang, cỏ dại, trũng luôn ngập nước do suối Đắk Năng thấm vào (cho dù thủy điện có xả cạn hồ chứa thì phần đất này luôn có nước ngập).
8	A MI TÂM					1.210.500		
01 thửa	Cây lúa nước 2 vụ LUC	không có	m2	269	4.500	1.210.500	- Không đồng ý với giá bồi thường cây lúa nước. - Yêu cầu giá bồi thường diện tích đất	- Giai đoạn 2015-2023: Suối ĐắkNăng chảy qua giữa thửa đất. - Giai đoạn: 2023-Nay: Suối ĐắkNăng bồi lắng, thay đổi dòng chảy. Hộ dân đang tận dụng đắp bờ làm ruộng. - Thửa đất nằm trong đất lòng hồ thủy điện đã được cấp chứng nhận quyền dùng đất của Dự án thủy điện
9	A NHẬU - Y XUNG					3.861.000		

01 thửa	Cây lúa nước 2 vụ LUC	không có	m2	858	4.500	3.861.000	- Không đồng ý với giá bồi thường cây lúa nước. - Yêu cầu giá bồi thường diện tích đất	- Giai đoạn 2015-2023: Suối ĐăkNăng chảy qua giữa thửa đất, đất sông suối. - Giai đoạn: 2023-Nay: Suối ĐăkNăng bồi lắng, thay đổi dòng chảy. Hộ dân đang tận dụng đắp bờ làm ruộng, lấn chiến thu hẹp dòng chảy suối Đăk Năng. - Thửa đất nằm trong đất lòng hồ thủy điện đã được cấp chứng nhận quyền dụng đất của Dự án thủy điện - Hiện nay hộ dân vẫn đang trồng lúa trên thửa đất.
10	A THẠCH					2.763.000		
01 thửa	Cây lúa nước 2 vụ LUC	không có	m2	614	4.500	2.763.000	- Không đồng ý với giá bồi thường cây lúa nước. - Yêu cầu giá bồi thường diện tích đất	- Giai đoạn 2015-2023: Suối ĐăkNăng chảy qua giữa thửa đất, đất hoang, cỏ dại, đất sông suối. - Giai đoạn: 2023-Nay: Suối ĐăkNăng bồi lắng, thay đổi dòng chảy. Hộ dân đang tận dụng đắp bờ làm ruộng, lấn chiến thu hẹp dòng chảy suối ĐăkNăng. - Hiện nay hộ dân vẫn đang trồng lúa trên thửa đất.
11	A THOAN					3.865.500		
01 thửa	Cây lúa nước 2 vụ LUC	không có	m2	859	4.500	3.865.500	- Không đồng ý với giá bồi thường cây lúa nước. - Yêu cầu giá bồi thường diện tích đất	- Giai đoạn 2015-2023: Đất hoang, cỏ dại, giáp suối - Giai đoạn: 2023-Nay: Suối ĐăkNăng bồi lắng, thay đổi dòng chảy. Hộ dân đang tận dụng đắp bờ làm ruộng. - Hiện nay hộ dân vẫn đang trồng lúa trên thửa đất.
12	A TỐI					4.383.000		
01 thửa	Cây lúa nước 2 vụ LUC	không có	m2	974	4.500	4.383.000	Đồng ý nhận tiền bồi thường cây lúa và tiếp tục canh tác trên thửa đất	- Giai đoạn 2015-2023: Đất hoang, cỏ dại, giáp suối - Giai đoạn: 2023-Nay: Hộ dân đang tận dụng đắp bờ làm ruộng. - Hiện nay hộ dân vẫn đang trồng lúa trên thửa đất.
13	Y BOH					1.777.500		
01 thửa	Cây lúa nước 2 vụ LUC	không có	m2	395	4.500	1.777.500	- Không đồng ý với giá bồi thường cây lúa nước. - Yêu cầu giá bồi thường diện tích đất	- Giai đoạn 2015-2023: Đất hoang, cỏ dại, đất sông suối - Giai đoạn: 2023-Nay: Hộ dân đang tận dụng đắp bờ làm ruộng, lấn chiến thu hẹp dòng chảy suối Đăk

									Năng. - Hiện nay hộ dân vẫn đang trồng lúa trên thửa đất.
14	Y HYIU							3.402.000	
Thửa 1	Cây lúa nước 2 vụ LUC	không có	m2	576	4.500	2.592.000	Đóng ý nhận tiền bồi thường cây lúa và tiếp tục canh tác trên thửa đất		- Giai đoạn 2015-2023: Suối Đăk Năng chảy qua giữa thửa đất, đất hoang, cỏ dại, đất sông suối - Giai đoạn: 2023-Nay: Hộ dân đang tận dụng đắp bờ làm ruộng, lần chiến thu hẹp dòng chảy suối Đăk Năng. - Hiện nay hộ dân vẫn đang trồng lúa trên thửa đất.
Thửa 2	Cây lúa nước 2 vụ LUC	không có	m2	180	4.500	810.000	Đóng ý nhận tiền bồi thường cây lúa và tiếp tục canh tác trên thửa đất		- Giai đoạn 2015-2023: Đất hoang, cỏ dại, giáp suối - Giai đoạn: 2023-Nay: Hộ dân đang tận dụng đắp bờ làm ruộng, lần chiến thu hẹp dòng chảy suối ĐăkNăng. - Hiện nay hộ dân vẫn đang trồng lúa trên thửa đất.
	TỔNG CỘNG			14.171		63.769.500			

PHỤ LỤC 2:

Bảng tọa độ các thửa đất kiến nghị

(Kèm theo công văn số 06/CV-TV ngày 10/02/2026 của Công ty TNHH Trung Việt)

Điểm góc	Tọa độ		Hộ dân thôn 12
	X (m)	Y (m)	
203	1597361.243	570544.810	A Bião
202	1597362.299	570554.359	A Bião
201	1597369.146	570566.000	A Bião
200	1597379.430	570556.295	A Bião
199	1597382.002	570552.511	A Bião
198	1597384.335	570546.667	A Bião
197	1597385.407	570541.199	A Bião
196	1597386.910	570531.956	A Bião
195	1597386.736	570525.052	A Bião
194	1597384.315	570517.737	A Bião
193	1597379.420	570507.339	A Bião
192	1597375.517	570504.231	A Bião
190	1597373.489	570504.815	A Bião
189	1597355.171	570529.107	A Bião
181	1597294.455	570438.048	A Kát
180	1597296.297	570445.532	A Kát
179	1597301.713	570458.823	A Kát
178	1597309.929	570459.081	A Kát
177	1597315.297	570456.723	A Kát
176	1597322.111	570454.705	A Kát
175	1597327.468	570455.563	A Kát
174	1597333.575	570446.176	A Kát
173	1597327.524	570442.271	A Kát
172	1597321.171	570440.421	A Kát
171	1597310.450	570441.518	A Kát
170	1597306.901	570436.111	A Kát
169	1597304.797	570430.775	A Kát
168	1597299.434	570415.653	A Kát
167	1597292.878	570415.766	A Kát
166	1597458.683	570309.323	A Kát
165	1597456.482	570319.911	A Kát
164	1597452.359	570319.564	A Kát
163	1597449.751	570329.750	A Kát
160	1597431.774	570307.515	A Kát
158	1597431.408	570320.201	A Kát
155	1597414.758	570308.288	A Chung
154	1597414.090	570316.431	A Chung
153	1597406.322	570314.186	A Chung
152	1597400.664	570301.663	A Chung
151	1597394.346	570304.107	A Chung
150	1597393.091	570307.580	A Chung
149	1597458.811	570338.428	A Chir
148	1597453.761	570344.326	A Chir
147	1597438.686	570352.356	A Chir
146	1597435.473	570342.002	A Chir
145	1597416.150	570346.998	A Chir

144	1597397.677	570348.491	A Chir
143	1597398.496	570319.581	A Chir
142	1597395.608	570321.190	A Chung
140	1597397.654	570331.504	A Chung
139	1597397.398	570340.532	A Chung
138	1597397.397	570348.431	A Chung
137	1597394.016	570348.788	A Chung
135	1597388.415	570349.736	A Chung
131	1597388.949	570322.412	A Chung
129	1597394.509	570316.063	A Chung
128	1597387.724	570310.247	A Chung
127	1597379.574	570312.485	A Chung
125	1597369.839	570326.778	A Chung
124	1597369.837	570326.773	Y Bol
123	1597369.868	570326.847	Y Bol
122	1597368.913	570315.115	Y Bol
121	1597356.709	570315.537	Y Bol
120	1597348.856	570315.941	Y Bol
119	1597337.873	570322.197	Y Bol
118	1597334.161	570329.262	Y Bol
117	1597361.575	570328.217	A Thạch
116	1597348.717	570329.217	A Thạch
115	1597336.763	570330.239	A Thạch
114	1597327.714	570331.560	A Thạch
113	1597324.838	570338.711	A Thạch
112	1597325.044	570347.103	A Thạch
111	1597357.571	570347.251	Y HYiu
110	1597351.551	570347.177	Y HYiu
109	1597344.249	570347.161	Y HYiu
108	1597336.121	570347.516	Y HYiu
107	1597324.432	570347.532	Y HYiu
106	1597323.565	570352.838	Y HYiu
105	1597323.689	570360.579	Y HYiu
104	1597328.229	570362.352	Y HYiu
103	1597345.888	570364.004	Y HYiu
102	1597358.248	570366.635	Y HYiu
101	1597358.204	570366.668	A Tối
100	1597358.395	570347.762	A Tối
99	1597359.977	570342.698	A Tối
98	1597362.011	570328.326	A Tối
97	1597369.830	570326.593	A Tối
96	1597377.649	570324.870	A Tối
94	1597388.441	570340.466	A Tối
93	1597388.017	570349.764	A Tối
92	1597375.143	570353.393	A Tối
91	1597373.427	570361.202	A Tối
90	1597369.236	570364.251	A Tối
89	1597366.667	570368.768	A Tối
88	1597374.192	570575.418	A Kar
87	1597362.891	570581.133	A Kar
86	1597362.364	570589.653	A Kar
85	1597366.361	570592.295	A Kar

84	1597377.945	570588.039	A Kar
83	1597388.492	570584.695	A Kar
82	1597398.281	570582.168	A Kar
81	1597407.702	570575.796	A Kar
80	1597409.643	570572.228	A Mi Tâm
79	1597407.809	570575.173	A Mi Tâm
78	1597402.800	570570.965	A Mi Tâm
77	1597395.908	570564.301	A Mi Tâm
76	1597382.702	570572.023	A Mi Tâm
75	1597374.425	570575.427	A Mi Tâm
74	1597372.732	570572.274	A Mi Tâm
73	1597383.398	570561.356	A Mi Tâm
72	1597387.871	570554.250	A Mi Tâm
70	1597393.204	570538.999	A Bião
69	1597391.471	570546.499	A Bião
68	1597387.858	570554.190	A Bião
67	1597395.891	570560.921	A Bião
66	1597409.043	570569.758	A Bião
65	1597410.115	570570.178	A Bião
64	1597411.234	570568.269	A Bião
63	1597430.925	570557.275	A Bião
61	1597424.069	570548.023	A Bião
60	1597427.990	570541.522	A Bião
59	1597430.463	570539.508	A Bião
58	1597429.038	570535.048	A Bião
57	1597433.771	570530.368	A Bião
56	1597434.207	570527.370	A Bião
55	1597420.840	570503.992	A Kát
52	1597433.999	570526.593	A Kát
51	1597413.964	570532.019	A Kát
50	1597393.769	570533.140	A Kát
49	1597390.928	570521.219	A Kát
48	1597388.584	570513.346	A Kát
47	1597384.440	570486.076	Y Xung
46	1597380.879	570495.986	Y Xung
45	1597388.688	570513.611	Y Xung
44	1597400.140	570508.021	Y Xung
43	1597407.261	570504.518	Y Xung
42	1597412.668	570501.051	Y Xung
41	1597417.486	570497.420	Y Xung
40	1597421.463	570495.248	Y Xung
39	1597416.998	570486.299	Y Xung
38	1597412.134	570478.624	Y Xung
37	1597408.220	570479.892	Y Xung
36	1597399.132	570485.128	Y Xung
35	1597395.100	570479.388	Y Xung
33	1597363.663	570426.165	A Blang
32	1597366.562	570431.557	A Blang
31	1597372.655	570440.700	A Blang
30	1597383.376	570460.802	A Blang
28	1597384.782	570485.486	A Blang
27	1597378.836	570475.290	A Blang

26	1597369.313	570463.363	A Blang
25	1597358.421	570450.137	A Blang
24	1597346.949	570436.269	A Blang
23	1597339.000	570427.561	A Blang
22	1597329.597	570410.709	A Blang
21	1597321.576	570385.726	A Hiék
20	1597318.007	570393.067	A Hiék
19	1597316.630	570401.567	A Hiék
18	1597315.991	570410.503	A Hiék
17	1597326.665	570411.252	A Hiék
16	1597336.887	570408.871	A Hiék
15	1597355.360	570404.983	A Hiék
14	1597369.536	570397.200	A Hiék
13	1597366.372	570389.723	A Hiék
12	1597366.537	570390.327	A Hiék
11	1597363.240	570378.926	A Thoan
10	1597365.601	570368.969	A Thoan
9	1597358.050	570366.869	A Thoan
8	1597340.899	570363.721	A Thoan
7	1597329.109	570362.707	A Thoan
6	1597328.125	570368.948	A Thoan
5	1597325.632	570377.613	A Thoan
4	1597322.025	570385.856	A Thoan
3	1597338.065	570386.387	A Thoan
2	1597353.372	570389.326	A Thoan
1	1597362.443	570389.561	A Thoan